

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/DS-ST
Ngày: 15-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phiên;
2. Bà Bùi Thị Hải Đường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thu L (Út L), sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1976; (vắng mặt)
Anh Huỳnh Văn C, sinh năm 1974; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12-6-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Võ Thu L trình bày:

Chị và chị V có quen biết nhau. Chị có cho chị V vay nhiều lần, mỗi lần khoảng từ 5.000.000 đồng – 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Mỗi lần cho vay chị V tự ghi và ký nhận nợ. Ngày 24-9-2014 âm lịch chị và chị V chốt nợ lại, chị V còn nợ chị số tiền 29.000.000 đồng, chị V có ký nhận nợ vào ngày 30-9-2019. Chị đến nhà chị V để đòi tiền nhưng chị chỉ gặp anh C, không gặp được chị V. Đến ngày 16-3-2017 (âm lịch), anh Huỳnh Văn C – chồng chị V có trả cho chị số tiền 10.000.000 đồng, khi nhận tiền chị có ghi giấy nhận tiền. Còn lại 19.000.000 đồng, anh C hẹn thu hoạch vụ đậu phộng năm 2017 thì trả, nhưng cho đến nay anh C, chị V vẫn không trả cho chị tiền gốc cũng như khoản tiền lãi nào. Vì thời gian đã lâu chị không nhớ, chị chỉ có giấy chốt nợ số tiền 29.000.000, đã trả 10.000.000 đồng, còn nợ lại 19.000.000 đồng nên tại đơn khởi kiện chị yêu cầu chị V, anh C trả 19.000.000 đồng. Nay chị V xuất trình giấy tính tiền trong đó có tiền lãi nên cộng dồn thành 29.000.000 đồng, chị thừa nhận tiền gốc mà chị V, anh C vay của chị là 21.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu Chị V, anh C cùng có trách nhiệm trả cho chị số tiền gốc 11.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi của khoản vay 21.000.000 đồng tính từ ngày chốt nợ 24-9-2014 âm lịch (17-10-2014 dương lịch) tính đến ngày anh C trả số tiền 10.000.000 đồng là ngày 16-3-2017 âm lịch (12-4-2017 dương lịch); tiền lãi của khoản nợ còn lại là 11.000.000 đồng tính từ ngày 16-3-2017 âm lịch (12-4-2017 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 15-11-2019, với mức lãi suất là 0,75%/tháng.

Bị đơn, chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

Chị có vay tiền của chị L (Út L) 03 lần, nhưng không nhớ ngày tháng năm vay tiền, cụ thể:

- Lần 1: 10.000.000 đồng;
- Lần 2: 6.000.000 đồng;
- Lần 3: 5.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền chị vay của chị L là 21.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, mỗi lần vay chị có ghi nhận nợ và ký tên vào sổ nợ của chị L. Chị vay tiền để làm vốn chăn nuôi heo, nhưng do heo bị dịch bệnh dẫn đến thua lỗ nên chị không có tiền trả cho chị L. Chị có trả tiền lãi đầy đủ nhưng không có chứng cứ chứng minh việc giao nhận tiền lãi; cách nay khoảng 06 năm thì chị không còn khả năng trả tiền lãi nữa. Vào ngày 16/3/2017 (âm lịch), anh C có thay mặt chị trả cho chị L số tiền 10.000.000 đồng, chị L có ký tên nhận tiền. Như vậy chị còn nợ lại chị L số tiền 11.000.000 đồng. Nay chị đồng ý trả cho chị L số tiền 11.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật của số tiền 11.000.000 đồng tính từ ngày 16/3/2017 (âm lịch), không yêu cầu anh C cùng chịu trách nhiệm trả nợ do tiền thu nhập từ việc chăn nuôi heo chị để sử dụng riêng, sắm sửa quần áo cho bản thân; mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình là do anh C lo, thu nhập từ việc sản xuất, trồng trọt do anh C quản lý, chi tiêu trong gia đình. Khi vay tiền của chị L, anh C hoàn toàn không biết, chị cũng không nói cho anh C biết. Đến khi chị không có khả năng trả tiền lãi cho chị L nữa, hẹn nhiều lần thì chị L đến nhà chị đòi tiền thì anh C mới biết chị nợ tiền chị L số tiền 21.000.000 đồng.

Anh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, anh C cũng không nộp bản tự khai cho Tòa án nên không có lời trình bày của anh C.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc chị V, anh C cùng có trách nhiệm liên đới trả chị L số tiền nợ gốc 11.000.000 đồng và tính tiền lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết và tại phiên Tòa hôm nay anh C, chị V đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các điều 177, 178 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không lý do xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh C, chị V. Anh C, chị V phải chịu hậu quả của việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 91, Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa chị L yêu cầu chị V, anh C cùng chịu trách nhiệm trả cho chị số tiền 11.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày chốt nợ 24-9-2014 âm lịch (ngày 17-10-2014 dương lịch) cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị V thừa nhận toàn bộ số nợ trên và đồng ý tự chịu trách nhiệm trả cho chị L, không yêu cầu anh C cùng chịu trách nhiệm trả nợ.

[2.1] Xét yêu cầu của chị L, yêu cầu anh C - chồng chị V cùng có nghĩa vụ trả nợ. Chị V cho rằng chị vay tiền để làm vốn chăn nuôi heo và thu nhập có được chị sử dụng riêng cho bản thân; thu nhập từ việc trồng trọt, sản xuất nông nghiệp do anh C quản lý, chi tiêu trong gia đình nên đây là nợ riêng của chị, chị tự chịu trách nhiệm trả cho chị L. Xét lời trình bày của chị V là không có căn cứ, bởi lẽ: Số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, chị V cho rằng anh C không biết, tuy nhiên mục đích vay tiền là để chăn nuôi heo, trong thời gian này chị vẫn phụ giúp anh C việc trồng trọt; năm 2017 anh C trực tiếp trả cho chị L số tiền 10.000.000 đồng, anh C hứa hẹn khi thu hoạch vụ đậu phộng năm 2017 thì trả hết số tiền còn nợ lại cho chị L. Mặc dù quá trình giải quyết anh C không đến tòa nhưng giữa anh C và chị V là quan hệ vợ chồng, vẫn quan tâm lẫn nhau và cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình. Do đó, cần buộc anh C cùng có nghĩa vụ với chị V trả cho chị L là có căn cứ và hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu tính tiền lãi:

Chị L và chị V thống nhất, số tiền nợ gốc là 21.000.000 đồng, kể từ thời điểm chốt nợ là ngày 24-9-2014 âm lịch (16-11-2014 dương lịch), chị V không trả cho chị L khoản tiền lãi nào. Đến ngày 16-3-2017 âm lịch (12-4-2017 dương lịch) anh C trả cho chị L 10.000.000 đồng, còn lại số tiền 11.000.000 đồng. Chị L yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật của khoản nợ 21.000.000 đồng, với mức lãi suất là 0,75%. Xét thấy, đây là hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận lãi, không thỏa thuận thời hạn trả. Chị L cho rằng mức lãi suất khi cho vay là 3%/tháng, chị V cho rằng mức lãi suất là 6%/tháng, hai bên không thống nhất về mức tiền lãi nên áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019, khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005, cụ thể tiền lãi được tính như sau:

- Khoản nợ 21.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 29 tháng 25 ngày (17-10-2014 đến 12-4-2017) = 4.698.750 đồng.

- Khoản nợ 11.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 31 tháng 03 ngày (12-4-2017 đến 15-11-2019) = 2.565.750 đồng.

Tổng cộng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15-11-2019) là 7.264.500 đồng.

[4] Xét yêu cầu áp dụng thời hiệu: Chị V có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Xét thấy: Chị V và chị L chốt nợ từ 24-9-2014 âm lịch, tuy nhiên đến ngày 16-3-2017 âm lịch (12-4-2017 dương lịch) anh C trả cho chị L số tiền 10.000.000 đồng nên thời hiệu khởi kiện được tính lại kể từ ngày 12-4-2017, tính đến ngày chị L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là chưa đủ 03 năm do đó thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự 2015, vì vậy không có căn cứ áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm khi toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, cụ thể: Chị V, anh C phải chịu: 18.112.250 đồng x 5% = 905.600 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469, 429 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thu L đối với chị Nguyễn Thị Hồng V, anh Huỳnh Văn C.

Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Hồng V, anh Huỳnh Văn C có trách nhiệm trả cho chị Võ Thu L số tiền: 18.264.500 (*mười tám triệu hai trăm sáu mươi bốn*

ngàn năm trăm) đồng; trong đó: Tiền nợ gốc là 11.000.000 (mười một triệu) đồng và tiền lãi là 7.264.500 (bảy triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn năm trăm) đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị V, anh C phải chịu 913.225 (Chín trăm mười ba ngàn hai trăm hai mươi lăm) đồng.

Chị L không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị L 725.000 (bảy trăm hai mươi lăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011925 ngày 20-6-2019.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Chị L được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị V, anh C được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu và trụ sở xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thơ